

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HS-PT

Ngày 22-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2019/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Lê Quang C do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2019/HS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Lê Quang C, sinh năm 1978 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp L, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang D và bà Trần Thị Ng; vợ: Đỗ Yến P; con: có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Quang C: Bà Lê Thị Thùy V là Luật sư – Văn phòng luật sư Lê Thị Thùy V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp L, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Tấn H:

+ Ông Nguyễn Hữu D là Luật sư – Văn phòng luật sư Nguyễn Hữu D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

+ Ông Trần Bá H là Luật sư – Công ty luật TNHH MTV T thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Ông Vũ Quốc T là Luật sư – Chi nhánh Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quang C và Nguyễn Tấn H là bạn bè cùng xóm, ở tại ấp L, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre. C thường rủ H đến nhà C chơi và uống trà, giữa C và H không có mâu thuẫn gì.

Khoảng 18 giờ ngày 27 tháng 11 năm 2017, Lê Quang C điện thoại rủ Nguyễn Tấn H qua nhà C uống trà. Trong thời gian H chưa qua nhà, C cầm lưỡi hái có lưỡi bằng kim loại đi ra sau vườn cắt dây leo cho bò ăn. Đến khoảng 19 giờ 10 phút cùng ngày, C nghe tiếng xe máy của anh H chạy đến, C đi vào đứng ngoài chuồng bò bỏ dây leo cho bò ăn (gần cửa nhà sau). Anh H thấy vợ C là chị P đang nấu ăn tại nhà sau, H đi đến nói chuyện với chị P, sau đó anh H đứng phía sau lưng của chị P và vòng hai tay từ phía sau lên trước ngực chị P để ôm chị P. Chị P la lên và chạy lên thêm nhà trước, anh H đi theo sau chị P. C thấy anh H ôm chị P, C chạy vào nhà lên nhà trước theo sau anh H, C đánh anh H bằng tay, anh H bị té khom người xuống thêm nhà (mặt anh H hướng vào nhà C). C đang cầm lưỡi hái chạy đến chỗ anh H, tay trái C cầm vành tai trái của anh H, tay phải C cầm lưỡi hái cắt đứt vành tay trái của anh H gây thương tích. Anh H bỏ chạy và được mọi người gần đó đưa đi bệnh viện chữa trị thương tích.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 39-0118/TgT ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre, anh Nguyễn Tấn H bị thương tích như sau:

- Vết thương đứt lìa gần toàn bộ vành tai trái chỉ còn lại phần da tai;
- Hiện: tai trái mất toàn bộ vành tai, chỉ còn lại da tai, tai trái nghe không rõ;

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 20%;

Tang vật thu giữ của Lê Quang C: 01 (một) cái lưỡi hái, cán bằng gỗ dài 12 cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 19 cm.

Trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Tấn H yêu cầu Lê Quang C bồi thường thiệt hại gồm các khoản sau:

- Tiền thuốc điều trị và chi phí đi lại chữa bệnh: 6.089.000 đồng;
- Thu nhập thực tế bị mất của bị hại: 6.000.000 đồng;
- Thu nhập thực tế bị mất của người nuôi bệnh: 6.000.000 đồng;
- Chi phí làm lại tai mới: 100.000.000 đồng;
- Tiền tổn thất tinh thần: 75.000.000 đồng;

Tổng cộng: 193.089.000 đồng;

Lê Quang C đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Tấn H tiền thuốc điều trị và chi phí đi lại chữa bệnh là 6.089.000 đồng. Số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại còn lại là 187.000.000 đồng C yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, C

chấp nhận bồi thường cho anh H theo quyết định của Tòa án. C giao nộp trước số tiền 6.089.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho anh H nhưng anh H không nhận do không đủ số tiền mà anh H yêu cầu bồi thường thiệt hại. Anh H yêu cầu khi nào Tòa án tuyên buộc C bồi thường cho anh H bao nhiêu thì H sẽ nhận một lần.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2019/HS-ST ngày 16-04-2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Quang C phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

Phạt bị cáo Lê Quang C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lê Quang C bồi thường cho bị hại Nguyễn Tấn H các khoản sau:

- Chi phí điều trị và chi phí đi lại số tiền là 6.089.000 đồng, ghi nhận bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra Công an huyện G, tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

- Tiền mất thu nhập của bị hại số tiền 2.700.000 đồng.

- Tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh là 540.000 đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần cho bị hại là 13.900.000 đồng.

Tổng cộng bị cáo Lê Quang C phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Tấn H số tiền 23.229.000 đồng. Bị cáo đã nộp số tiền 6.089.000 đồng, nên bị cáo Lê Quang C phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Tấn H số tiền 17.140.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23-4-2019 bị hại Nguyễn Tấn H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng mức hình phạt đối với bị cáo Lê Quang C và tăng số tiền bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại lên 50 tháng lương cơ sở với số tiền 69.500.000 đồng và chi phí hợp lý cho việc điều trị thương tích với số tiền 18.089.000 đồng, tổng cộng là 87.589.000 đồng.

Ngày 26-04-2019 bị cáo Lê Quang C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Quang C thừa nhận ngày 27/11/2017 có điện thoại rủ bị hại Nguyễn Tấn H đến nhà bị cáo uống trà. Sau đó bị cáo nhìn thấy anh H ôm vợ bị cáo tên Đỗ Yến P, bị cáo bị kích động mạnh về tinh thần nên có hành vi đánh anh H và dùng lưỡi hái bằng kim loại cắt đứt tai trái của anh H gây thương tích đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị hại Nguyễn Tấn H khai nhận khoảng 18 giờ đến 19 giờ ngày 27/11/2017 bị cáo C có điện thoại rủ anh đến nhà bị cáo C để uống trà. Khi anh đến nhà bị cáo C nhưng không nhìn thấy vợ của bị cáo C là chị Đỗ Yến P, anh không có ôm chị P như bị cáo C trình bày. Sau đó bị cáo C có hành vi đánh anh và dùng lưỡi hái bằng kim loại cắt đứt tai trái của anh gây thương tích đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên. Anh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Quang C phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật; xử phạt bị cáo Lê Quang C 01 năm 03 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra; tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới, bị hại không cung cấp được tình tiết mới có ý nghĩa tăng nặng hình phạt đối với bị cáo; Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại tổng số tiền 23.229.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Quang C 01 năm 03 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Lê Quang C bồi thường cho bị hại Nguyễn Tấn H tổng số tiền 23.229.000 đồng. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

- Bị cáo không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến: đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” theo điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo là có căn cứ pháp luật vì bị hại cũng không giải thích được vì sao bị cáo cắt tai bị hại, mà nguyên nhân bị cáo cắt tai bị hại là do bị hại có hành vi ôm vợ bị cáo. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, nếu bị hại không có hành vi trái pháp luật đối với bị cáo thì bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải, đã cố gắng bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, vợ mang thai và sinh con, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quyết định của Tòa án, gia đình bị cáo có người thân có công với đất nước; bị cáo mới phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có 02 con nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng

án treo.

- Bị hại không tranh luận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Tấn H - Luật sư Vũ Quốc T phát biểu ý kiến: do cấp sơ thẩm bỏ sót nhiều vấn đề của vụ án cũng như tuyên mức án quá thấp so với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vì vậy bị hại kháng cáo Bản án sơ thẩm yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm tăng mức hình phạt của bị cáo cũng như mức bồi thường theo quy định của pháp luật. Từ khi bị cáo cắt tai bị hại đã không có động thái thăm hỏi, động viên nhằm chuộc lại lỗi lầm mà còn vu khống bị hại ôm vợ bị cáo; bị cáo khai gian dối với các Cơ quan tố tụng tại huyện G để các cơ quan này ra quyết định không khởi tố vụ án, làm kéo dài vụ án, làm cho gia đình bị hại mất thời gian, tiền bạc khiếu nại khắp nơi, gây khó khăn cho các Cơ quan tố tụng. Bị cáo khai rằng đã gọi điện thoại kêu bị hại sang nhà bị cáo uống trà, vậy là bị cáo đã có dấu hiệu chuẩn bị thực hiện hành vi gây án, công cụ gây án là cái lưỡi hái hung khí nguy hiểm, bị cáo kêu bị hại qua uống trà mà lại đi cắt dây leo là sự biện minh nhằm tránh tội, không có cơ sở. Bị cáo biện minh cắt tai bị hại do bị hại ôm vợ bị cáo là không có căn cứ, bởi lẽ bị cáo gọi điện thoại mời bị hại qua uống trà thì bị hại biết bị cáo ở nhà, bị hại đứng ở sân gọi điện thoại cho anh Tuấn cùng xóm qua uống trà chung. Hành vi của bị cáo xuất phát từ sự ghen ghét do làm ăn không thuận lợi như bị hại và hỏi mượn tiền nhưng bị hại không cho mượn mà rắp tâm cắt đứt một tai của bị hại là hành vi ác độc, tàn nhẫn, là cố tình để bị hại xấu hổ tại địa phương, đồng thời rêu rao bị hại ôm vợ bị cáo là hành động ghê tởm cần lên án; bị cáo đã có sự chủ đích, tính toán kỹ lưỡng trước khi mời bị hại qua uống trà là cái cớ để ra tay thực hiện cắt tai bị hại là không thể chấp nhận được, hành vi này cần trừng trị thích đáng về tính chất côn đồ hung hãn coi thường pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tăng mức hình phạt đối với bị cáo, đồng thời không cho bị cáo được hưởng án treo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Tấn H - Luật sư Nguyễn Hữu D phát biểu ý kiến: đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm; trong vụ án này bị hại không có lỗi, vì vậy bị cáo cắt tai bị hại là lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm còn bỏ sót nhiều tình tiết tăng nặng đối với bị cáo, bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại gửi đến Tòa án trong

thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận nhìn thấy bị hại H ôm vợ của bị cáo, bị cáo bị kích động mạnh về tinh thần nên có hành vi dùng tay đánh anh H và dùng lưỡi hái bằng kim loại cắt đứt tai trái của anh H gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho anh H là 20%. Tuy nhiên; căn cứ biên bản lời khai ngày 28/11/2017 (bút lục 377, 378) thì bị cáo khai nhận: ngày 27/11/2017 bị cáo có điện thoại rủ bị hại H qua nhà uống trà, do trước đây bị cáo có nghe vợ của bị cáo nói lại là anh H có ý sàm sỡ với vợ bị cáo, vì vậy khi nghe tiếng xe anh H đến thì bị cáo đứng rình, theo dõi thì thấy anh H ôm vợ của bị cáo nên bị cáo mới gây thương tích cho anh H. Trong trường hợp này bị cáo đã chủ động, cố ý đứng rình chờ anh H sàm sỡ với chị P là vợ của bị cáo thì bị cáo tức khắc xông vào đánh, cắt tai anh H nên sự kích động của bị cáo không thuộc trường hợp tinh thần bị kích động mạnh. Đối với bị hại H không thừa nhận hành vi ôm chị P là vợ của bị cáo, nhưng lời khai của bị hại H trong quá trình điều tra và tại các phiên tòa có mâu thuẫn nhau về nguyên nhân bị gây thương tích; trong khi đó lời khai của bị cáo trong suốt quá trình điều tra và tại các phiên tòa đều thống nhất nhau về nguyên nhân gây thương tích cho anh H. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng kết hợp với vật chứng được thu giữ, kết luận giám định, biên bản và bản ảnh thực nghiệm điều tra, với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: khoảng 19 giờ 20 phút ngày 27/11/2017, tại ấp L, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre, xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân do ghen tuông bị cáo Lê Quang C đã dùng lưỡi hái bằng kim loại là hung khí nguy hiểm cắt đứt vành tai trái của anh Nguyễn Tấn H gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 20%. Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý dùng hung khí nguy hiểm gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 20%, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo đã phạm vào “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 (điểm a khoản 1) Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Theo khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, *quy định một hình phạt nhẹ hơn*, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và *quy định khác có lợi*

cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành”. Theo điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội quy định: “Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; *quy định hình phạt nhẹ hơn*, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và *các quy định khác có lợi cho người phạm tội* thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích”. Như vậy; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội quy định về việc áp dụng quy định có lợi cho bị cáo. Theo quy định tại khoản 2 (điểm a khoản 1) Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, nhưng theo quy định tại khoản 2 (điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm là nhẹ hơn; trong trường hợp này bị cáo được áp dụng quy định có lợi nên phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “Dùng hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Quang C yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo và kháng cáo của bị hại Nguyễn Tấn H yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo Lê Quang C, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: không có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; có cha là thương binh hạng 4/4 và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, có cậu ruột được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động, hiện có con nhỏ; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: chỉ vì mâu thuẫn cá nhân do ghen tuông mà bị cáo đã cố ý dùng lưỡi hái là hung khí nguy hiểm cắt đứt tai trái của bị hại gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 20%; hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến thẩm mỹ của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đầy

đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra và không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật; tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tình tiết có con nhỏ và xác nhận của Trưởng Công an xã về nội dung bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật ở địa phương, là lao động chính trong gia đình, có nơi cư trú rõ ràng; tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới; đối với bị hại cũng không cung cấp được tình tiết có ý nghĩa tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cũng như thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo cũng như kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[4] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Tấn H yêu cầu tăng tiền bồi thường thiệt hại. Cụ thể yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 87.589.000 đồng, gồm các khoản: tổn thất tinh thần bằng 50 tháng lương cơ sở x 1.390.000 đồng/tháng = 69.500.000 đồng; chi phí tiền xe, khám, điều trị thương tích là 6.089.000 đồng; chi phí người bị thiệt hại mất khả năng lao động là 6.000.000 đồng; chi phí của người chăm sóc người bị thiệt hại là 6.000.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại các khoản như: tổn thất tinh thần bằng 10 tháng lương cơ sở x 1.390.000 đồng/tháng = 13.900.000 đồng; chi phí đi lại chữa bệnh = 6.089.000 đồng; tiền mất thu nhập của bị hại 15 ngày x 180.000 đồng/ngày = 2.700.000 đồng; tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh 03 ngày x 180.000 đồng/ngày = 540.000 đồng. Tổng cộng bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 23.229.000 đồng; đã nộp bồi thường trước số tiền 6.089.000 đồng; còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 17.140.000 đồng là phù hợp. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự là phù hợp và có căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để buộc bị cáo phải tăng tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại, nên không chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng tiền bồi thường thiệt hại; giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo,

giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ. Xét thấy giữa bị cáo và bị hại đưa ra thông tin về nguyên nhân bị cáo cắt tai bị hại là mâu thuẫn nhau, không có căn cứ xác định bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ, vì vậy theo nguyên tắc có lợi thì không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ đối với bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật; vì vậy người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ đối với bị cáo là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[8] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị không cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Riêng đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[9] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã chứng minh rõ hành vi phạm tội của bị cáo nên không có căn cứ để hủy Bản án sơ thẩm; vì vậy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quang C và bị hại Nguyễn Tấn H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 11/2019/HS-ST ngày 16-04-2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Lê Quang C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lê Quang C bồi thường cho bị hại Nguyễn Tấn H các khoản sau:

- Chi phí điều trị và chi phí đi lại số tiền là 6.089.000 đ (sáu triệu không trăm tám mươi chín ngàn đồng), ghi nhận bị cáo đã nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án (Theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 26/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G [bút lục số 282] và Giấy nộp tiền vào tài khoản số 39499042086 ngày 27/12/2018 của Kho bạc Nhà nước huyện G [bút lục số 280]);

- Tiền mất thu nhập cho bị hại số tiền là 2.700.000 đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng);

- Tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh là 540.000 đ (năm trăm bốn chục ngàn đồng);

- Tiền tổn thất tinh thần cho bị hại là 13.900.000 đ (mười ba triệu chín trăm ngàn đồng).

Tổng cộng bị cáo Lê Quang C phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Tấn H số tiền là 23.229.000 đ (hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi chín ngàn đồng). Bị cáo Lê Quang C đã nộp số tiền 6.089.000 đ (sáu triệu không trăm tám mươi chín ngàn đồng), nên bị cáo Lê Quang C phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Tấn H số tiền 17.140.000 đ (mười bảy triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Lê Quang C phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

[6] Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện G (3b);
- Công an huyện G (1b);
- VKSND huyện G (1b);
- Chi cục THADS huyện G (1b);
- UBND xã M (1b);
- Bị cáo, bị hại (02b)
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

Tôn Văn Thông